

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1988 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tôi và ông Phạm Văn L tự nguyện chung sống thực tế từ đầu năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã B, tỉnh B vào ngày 02/8/2011. Chúng tôi không có 02 con chung là Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2011 và Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/11/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được. Chúng tôi sống ly thân từ rất lâu. Vì tình cảm với ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa, nên tôi yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông L.

Về con chung, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2011 và Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/11/2013. Tôi tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà T cũng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử vụ án.

2. Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đề ngày 01/6/2023, bị đơn ông Phạm Văn L trình bày :

Tôi đồng ý ly hôn với nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, vì tình cảm vợ chồng không còn. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ rất lâu.

Về con chung, tôi đồng ý giao 02 con chung là Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2011 và Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/11/2013 cho bà T nuôi dưỡng. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nếu sau này bà T nuôi con không tốt thì tôi sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi và giành quyền được nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không tranh chấp.

Tôi rất bận rộn vì công việc cưa cây cao su thanh lý, nên tôi có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thị xã Bến Cát và TAND các cấp cho đến khi kết thúc vụ án.

Tôi làm đơn này là hoàn toàn tự nguyện và cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về sau.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đồng thời đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2011 và cháu Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/11/2013 cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự tranh chấp về “ly hôn và nuôi con”. Bị đơn ông Phạm Văn L hiện tạm trú tại khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh B, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự (theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông L đều thừa nhận tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã B, tỉnh B vào ngày 02/8/2011, nên hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông L do bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông L thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung là: Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2011 và Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/11/2013. Hiện tại bà T cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Huy và cháu Bảo. Phía ông L cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cháu Huy và cháu Bảo cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Phạm Văn L về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2011 và cháu Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 09/11/2013 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ trong việc giáo dục, chăm sóc con chung. Ông Phạm Văn L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng số 0011222 ngày 17/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành

